

Bản án số: 74/2023/HS-ST
Ngày: 21-7-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh.

2. Bà Trần Ánh Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lam, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1982, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ô5/167, khu phố TB A, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Sữa và bà Ngô Thị Hoàn; vợ Nguyễn Thị Lạc, con: có 02 người; tiền án, tiền sự: không có (vì đã được xóa); bị cáo tại ngoại.

2. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ô5/167, khu phố TB A, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm hồ; trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Sữa và bà Ngô Thị Hoàn; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại.

*** Bị hại:**

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963;

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1963;

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1993;

Bà P, ông B, anh D cùng địa chỉ: Khu phố TB A, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- Cháu Keo Hoàng TA, sinh năm 2018; địa chỉ: khu phố TB A, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện hợp pháp cho cháu TA: Chị Keo Thị Hồng G, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp Chánh, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Các bị cáo có mặt; bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 03-10-2022, Nguyễn Văn T và Nguyễn Hoàng M đến nhà của anh Nguyễn Văn Đạt thuộc khu phố TB A, thị trấn GD, huyện GD, để đòi tiền thì xảy ra cãi nhau được mọi người can ngăn nên T và M đi về. Sau đó, T cùng với Nguyễn Văn V đến quán của bà Tạ Thị Hồng Thúy thuộc khu phố TB A để nhậu. Khoảng 10 phút sau, Nguyễn Văn D biết việc T và M đến tìm Đạt đòi tiền nên đến quán của bà Thúy gặp T nói chuyện thì xảy ra cãi nhau. D dùng tay đẩy T té ngã xuống đường, rồi hai bên giằng co. Lúc này, V cầm ly thủy tinh có quai dùng để uống bia, chạy đến đánh một cái trúng vào đầu của D làm vỡ ly thì được mọi người can ngăn nên hai bên bỏ về. Khi về đến nhà, D lấy đoạn ống sắt, rồi đến nhà của V và T nhưng T đóng cửa cổng rào nên D không vào được. D đứng bên ngoài dùng đoạn ống sắt đâm một cái trúng bàn tay trái của T, rồi bỏ đi về.

Khoảng 10 phút sau, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn B biết sự việc D bị V đánh nên ông B điều khiển xe mô tô chở cháu Keo Hoàng TA, sinh năm 2018, cùng với bà P điều khiển xe đạp điện đến nhà của V để nói chuyện. Trên đường đi, bà P nhặt một đoạn nhánh tre cầm theo. Khi đến trước nhà của V, ông B và V xảy ra cãi nhau. V chạy ra phía sau nhà lấy cây dao tự chế bằng kim loại dài 51,5cm, còn T chạy vào nhà bếp lấy cây rựa bằng kim loại dài 61,5cm, rồi cả hai chạy đến chỗ ông B. T cầm cây rựa chém trúng cánh tay trái của ông B. V cầm cây dao chém thì ông B giơ tay phải lên đỡ. V tiếp tục chém vào người ông B thì ông B tránh né nên cây dao trúng vào đầu của cháu Anh. T vứt cây rựa, dùng tay đâm liên tục vào mặt của ông B. Thấy vậy, bà P dùng nhánh tre đánh V, rồi cầm tay cháu Anh bỏ chạy thì V cầm cây dao đuổi theo chém trúng tay trái của bà P. Sau đó, ông B, bà P và cháu Anh được đưa đến Bệnh viện Xuyên Á Tây Ninh điều trị, đến ngày 12-10-2022 xuất viện.

Quá trình điều tra, V và T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; Có ông ngoại là liệt sĩ.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 271, 272, 273 cùng ngày 24-10-2022, số 304 ngày 28-11-2022 và số 330 ngày 19-12-2022 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Tây Ninh kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị P do thương tích gây nên hiện tại là 13%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn B do thương tích gây nên hiện tại là 08%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Keo Hoàng TA do thương tích gây nên hiện tại là 01%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn D do thương tích gây nên hiện tại là 02%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn T do thương tích gây nên hiện tại là 01%.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 01 (một) rựa dài 61,5cm; phần lưỡi kim loại dài 26,5cm, nơi rộng nhất 05cm, nơi dày nhất 04cm, loại một cạnh sắc, mũi bằng; phần cán gỗ dài 35cm, hình trụ tròn, đường kính 3,5cm; 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 51,1 cm, phần cán hình trụ tròn dài 23 cm, đường kính 2,5 cm, phần lưỡi dài 28,5 cm, rộng nhất 05 cm, dày 0,1 cm, loại một cạnh sắc, mũi nhọn.

Về trách nhiệm dân sự: T, anh D và người đại diện của cháu Anh không yêu cầu xử lý và không yêu cầu bồi thường. Gia đình của V và T đã bồi thường cho ông B 25.000.000 đồng và bà P 30.000.000 đồng nên ông B và bà P rút đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với V và T.

Bản cáo trạng số 58/CT-VKSGD ngày 06-6-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của các bị cáo như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm.

Ghi nhận các bị cáo V, T đã bồi thường cho ông B 25.000.000 đồng và bà P 30.000.000 đồng, ông B và bà P không yêu cầu bồi thường thêm. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo lời nói sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện GD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản hiện trường, lời khai của bị hại, những người làm chứng, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Khoảng 21 giờ 10 phút ngày 03-10-2022, tại khu phố TB A, thị trấn GD, huyện GD, Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn T sử dụng hung khí nguy hiểm là cây dao bằng kim loại và cây rựa bằng kim loại chém bà Nguyễn Thị P gây thương tích 13%. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự địa phương. Bản thân các bị cáo đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Khi quyết định hình phạt, cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về đồng phạm, vai trò của của từng bị cáo trong vụ án, thấy rằng:

[4.1] Về đồng phạm: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự phân công vai trò, nhiệm vụ rõ ràng nên vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn.

[4.2] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo V là người trực tiếp tạo ra mâu thuẫn và trực tiếp gây thương tích cho bị hại nên phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo T.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

[5.1] *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5.2] *Về tình tiết giảm nhẹ*: Tất cả các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường Tết hại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, có ông ngoại là liệt sĩ nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, khi quyết định hình phạt, không cần phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, xử phạt các bị cáo mức án tù, nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Về các biện pháp tư pháp:

[7.1] Về xử lý vật chứng: 01 (một) rựa dài 61,5cm; phần lưỡi kim loại dài 26,5cm, nơi rộng nhất 05cm, nơi dày nhất 04cm, loại một cạnh sắc, mũi bằng; phần

cán gỗ dài 35cm, hình trụ tròn, đường kính 3,5cm; 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 51,1 cm, phần cán hình trụ tròn dài 23 cm, đường kính 2,5 cm, phần lưỡi dài 28,5 cm, rộng nhất 05 cm, dày 0,1 cm, loại một cạnh sắc, mũi nhọn là công cụ, phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị kinh tế nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7.2] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo V, T đã bồi thường cho ông B 25.000.000 đồng và bà P 30.000.000 đồng, ông B và bà P không yêu cầu bồi thường thêm nên ghi nhận.

[8] Đối với các đối tượng, hành vi có liên quan khác:

[8.1] Đối với hành vi đánh D gây thương tích 02% của Nguyễn Văn V, do D không yêu cầu xử lý hình sự nên Cơ quan điều tra chuyển xử lý vi phạm hành chính.

[8.2] Đối với anh Nguyễn Văn D có hành vi đánh T gây thương tích 01% nhưng do T không yêu cầu xử lý hình sự nên Cơ quan điều tra chuyển xử lý vi phạm hành chính.

[9] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GD phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T là người bị kết án, nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1.1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo V, T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật T hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị cáo V, T đã bồi thường xong cho ông B 25.000.000 đồng và bà P 30.000.000 đồng.

2.2. Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) rựa dài 61,5cm; phần lưỡi kim loại dài 26,5cm, nơi rộng nhất 05cm, nơi dày nhất 04cm, loại một cạnh sắc, mũi bằng; phần cán gỗ dài 35cm, hình trụ tròn, đường kính 3,5cm; 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại dài 51,1 cm, phần cán hình trụ tròn dài 23 cm, đường kính 2,5 cm, phần lưỡi dài 28,5 cm, rộng nhất 05 cm, dày 0,1 cm, loại một cạnh sắc, mũi nhọn.

(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục T hành án dân sự huyện GD theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08-6-2023)

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016:

Các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 của Luật T hành án dân sự, thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật T hành án dân sự, thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật T hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT. TANDTC (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng lý lịch STP tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện GD;
- Công an huyện GD (02 bản);
- Nhà tạm giữ công an huyện GD;
- CC THADS h. GD;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Vũ

